

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TỪ CHUYỂN LOẠI TUYỆT ĐỐI TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

VÕ THỊ NGỌC ÂN*

TÓM TẮT: Bài viết trình bày về hiện tượng chuyển loại tuyệt đối của từ trong tiếng Việt và tiếng Anh, cho thấy các kiểu chuyển loại cũng như những tương đồng và dị biệt của từ chuyển loại giữa hai ngôn ngữ này. Việc này giúp gia tăng vốn từ vựng cho người học, tăng cường kĩ năng phân tích ngữ nghĩa - từ vựng, ngữ nghĩa - cú pháp trong quá trình học tập, giảng dạy tiếng Việt và tiếng Anh như một ngoại ngữ.

TỪ KHÓA: chuyển loại tuyệt đối; từ chuyển loại; phân tích ngữ nghĩa - từ vựng; phân tích ngữ nghĩa - cú pháp; dạy tiếng.

NHẬN BÀI: 25/03/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/06/2024

1. Một số vấn đề chung

1.1. Khái niệm về hiện tượng chuyển loại của từ

Chuyển loại là một trong những phương thức hiệu quả nhất tạo từ mới trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, thể hiện một đặc tính quan trọng của ngôn ngữ: tính tiết kiệm.

Hiện tượng chuyển loại thường được phân định theo hai cấp độ: chuyển loại tuyệt đối (absolute/complete conversion) và chuyển loại tương đối (approximate conversion).

Về phương diện từ loại: phụ từ (pht) tiếng Việt có đặc điểm tương tự phó từ (pt) và định từ chỉ lượng tiếng Anh; kết từ (kt) tương tự giới từ và liên từ; còn cảm từ (ct) thì tương tự thán từ.

Về hướng chuyển loại: nhìn chung, có hai cách tiếp cận lịch đại và đồng đại để xác định hướng chuyển loại này. Cách tiếp cận lịch đại (từ nguyên học) thì khách quan và chính xác nhưng gặp phải khó khăn là thời điểm xuất hiện của các từ gốc (ở hiện tượng chuyển loại) không phải lúc nào cũng được ghi nhận đầy đủ, đặc biệt là ở tiếng Việt. Do vậy hướng chuyển loại của từ được đề cập trong bài viết này chỉ mang tính tương đối.

1.2. Chuyển loại tuyệt đối và chuyển loại tương đối

1.2.1. Chuyển loại tuyệt đối

Theo Hoàng Văn Hành (2001), hiện tượng chuyển loại tuyệt đối là hiện tượng chuyển đi “các từ từ loại này sang từ loại khác mà không thay đổi vỏ âm thanh của chúng” (tr.144). Cụ thể hơn, Hà Quang Năng (1981) cho rằng chuyển loại tuyệt đối là “một phương thức cấu tạo từ trong đó một từ mới thuộc từ loại này được tạo ra từ một từ thuộc từ loại khác mà vẫn giữ nguyên vỏ âm thanh, đồng thời tạo ra ý nghĩa mới có quan hệ nhất định với ý nghĩa của từ xuất phát, và nhận những đặc trưng ngữ pháp mới (thể hiện khả năng kết hợp và chức năng làm thành phần câu) khác với đặc trưng ngữ pháp của từ xuất phát” (tr.87-88). Ví dụ:

(1) a. Mồm mép₁ nhà báo có khác. Kiến trong lỗ cũng phải bò ra. [Nguyễn Tuân, *Chiếc lư đồng mắt cua*]

b. Chàng mồm mép₂ đến đâu, cũng không chống chế nổi cái tội tày đình ấy. [Đỗ Đức Thu, *Đứa con*]

Ở ví dụ (1), mồm mép₁ là danh từ chỉ mồm và mép; thường dùng để chỉ khả năng ăn nói hoạt bát, lém lỉnh. Còn mồm mép₂ là tính từ chỉ tính hoạt bát, lém lỉnh (hàm ý chê) trong ăn nói của một người.

(2) a. Từ nữ hoàng cho tới các sao Hollywood đều mong muốn sở hữu một “đôi giày đế₁ đồ” mang nhãn hiệu Christian Louboutin. [Báo xaluan.com]

b. Khi nào Hồng bị dì ghẻ mắng hay nói xấu thì thế nào bà ta cũng đế₂ thêm vào. [Khái Hưng, *Thoát li*]

Ở ví dụ (2), đế₁ là danh từ chỉ bộ phận gắn thêm với phần dưới của một số vật. Còn đế₂ là động từ chỉ hành động nói chêm vào, xen vào.

*Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng; Email: anvongoc0606@gmail.com

Tương tự trong tiếng Anh:

- (3) a. *Everywhere looks so grey and depressing in winter_n*. [CAD]
 b. *A lot of older people from northern states winter_v in Florida or Arizona.*
 (4) a. *The soup was thin_{adj} and clear, yet mysteriously rich.* [COD]
 b. *It may be necessary to thin_v the sauce slightly.*

1.2.2. Chuyển loại tương đối

Ở hiện tượng chuyển loại tương đối, từ được chuyển loại thường được ghép thêm một “yếu tố tạo từ” (chủ yếu trong tiếng Việt,) hoặc có thể ghép thêm phụ tố, chuyển đổi âm trong từ (chủ yếu trong tiếng Anh).

Đối với tiếng Việt, hiện tượng chuyển loại tương đối chủ yếu là giữa danh từ và động từ/ tính từ: mỗi động từ/ tính từ có khả năng tạo một danh từ tương ứng bằng cách kết hợp với một “phụ phẩm hình thức” (theo cách gọi của Hồ Lê, 1976), hoặc một “từ làm chứng” (theo cách gọi của Nguyễn Văn Tu, 1978), hay một “yếu tố ngữ pháp chuyên dùng” (theo cách gọi của Đinh Văn Đức, 1986). Ví dụ: *học - sự học*, *ăn - cái ăn*, *nhớ - nỗi nhớ*, *tốt - cái tốt*, v.v. Những từ như *sự*, *cái*, *nỗi*,... được nhiều người xem là danh từ chỉ loại, và như vậy *cái ăn*, *nỗi nhớ*,... được xem như danh ngữ. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc so sánh với tiếng Anh, chúng tôi chấp nhận chúng như là “hình vị”/”yếu tố tạo từ” mà một số nhà Việt ngữ học gọi là *từ làm chứng/yếu tố ngữ pháp chuyên dùng*. Như vậy, có thể xem các từ chuyển loại nêu trên là một loại từ ghép “đặc biệt”, như các ví dụ sau:

- (5) *Đời vui không mấy, niềm đau_{dt} đã chín kiếp người*. [Hoàng Sa, *Một mai em đi*]
 (6) Chỉ một lần quen mà mang nỗi nhớ_{dt} mệnh mông. *Phạm Minh Tuấn, Bài ca không quên*
 (7) Có lẽ cái xấu_{dt}, cái ác_{dt} chỉ trôi dạt khi cái thiện_{dt} không được chăm lo đầy đủ trong quá trình hình thành nhân cách. [Phạm Văn Phường, *Nhân lên tính thiện nơi mỗi con người*]

“Yếu tố tạo từ” có thể là định từ chỉ lượng, như sau:

- (8) *Tây Tiến người đi không hẹn ước,
 Đường lên thăm thẳm một chia phối_{dt}*. [Quang Dũng, *Tây Tiến*]
 (9) *Một đời chói chang những đam mê_{dt}, những ngổ nghê_{dt}
 Với tình người nhờ lời thề*. [Tư Công Phụng, *Như chiếc que diêm*]

Ngoài ra, còn có cách ghép một danh từ hay tính từ với “yếu tố tạo từ” ở phía sau như *hoá* để tạo thành động từ, như sau:

- (10) *Trên những quả đồi, Sapa đang bị bê tông hoá_{dt} với các dự án cao tầng san sát nhau*.
 [Diệu Hoa, *Bê tông hóa khu du lịch: Rất khó để sửa sai*]
 (11) *Tác giả muốn khóc than bất hạnh để ca ngợi hạnh phúc muôn năm của con người, để vĩnh hằng_{dt} hoá tình yêu*. [Nguyễn Minh Hùng, *Trở về Màu tím hoa sim*]

Đối với tiếng Anh, có ví dụ sau:

- (12) a. *She's a very kind_{adj} and thoughtful person.* [CAD]
 b. *I think her kindness_n is one of her strong points.*
 (13) a. *Mr. Long was now cutting_v himself a piece of the pink cake.* [COD]
 b. *The driver escaped with a few cuts_n....* [Manchester Evening News]

2. Từ chuyển loại tuyệt đối trong tiếng Việt

2.1. Chuyển loại giữa danh từ và động từ

2.1.1. Danh từ chuyển loại sang động từ

- (14) a. *Chiếc ti vi này hết hạn₁ bảo hành rồi*.
 b. *Ông hạn₂ cho máy từ giờ đến tối nếu không chạy đủ hai đồng bẩy nữa, thì máy sẽ biết tay ông*. [Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*]

Ở ví dụ (14), *hạn₁* là danh từ chỉ khoảng thời gian quy định cho một công việc nào đó. Còn *hạn₂* là động từ quy định hạn để hoàn thành một công việc nào đó. Tương tự:

- (15) *Ông Lý Kha và Hời ra chợ Đơ, chén_{dt} một bữa rượu thịt chó*. [Tô Hoài, *Quê người*]
Chén vốn là dt chỉ dụng cụ để ăn uống, có thể chuyển sang *chén_{dt}* có nghĩa là ăn như ở ví dụ trên.

2.1.2. Động từ chuyển loại sang danh từ

Theo Nguyễn Kim Thán (1997), gần đây, có nhiều động từ chuyển hóa hoàn toàn sang danh từ (tr.259). Quan sát các ví dụ sau:

(16) a. *Kiểu từ trở gót trướng hoa*

Mặt trời gác_{dt} núi, chiều đà thu không. [Nguyễn Du, *Truyện Kiều*]

b. *Phòng của tôi ở gác_{dt} ba.*

Ở (16a), gác_{dt} chỉ hành động để, đặt ngang lên trên (*gác chân chữ ngũ, gác tay lên trán*). Còn gác_{dt} (16b) dùng chỉ tầng nhà xây dựng liền lên trên tầng khác. Tương tự:

(17) a. *Những bữa ấy, sân Văn Miếu người nằm_{dt} như xem hội.* [Bảo cinet.gov.vn]

b. *Dòng người “chật như nằm_{dt}” đón tuyến Đức trở về.* [Bảo dantri.com.vn]

2.2. Chuyển loại giữa danh từ và tính từ

2.2.1. Danh từ chuyển sang tính từ

Theo Hoàng Văn Hành (1998), tính từ được cấu tạo từ danh từ theo con đường chuyển loại chiếm một vị trí tương đối lớn trong tiếng Việt (tr.177). Danh từ chuyển loại sang tính từ thường theo phép ẩn dụ, nghĩa là lấy một tên gọi của một sự vật có một tính chất cụ thể nào đó để biểu thị tính chất trừu tượng, như sau:

(18) *Bà quê lắm! Đồng hồ của Tây làm ra có bao giờ sai?* [Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*]

(19) *Bà, một người Huế rất Hà Nội mà tôi cứ quen miệng gọi là cô như hồi nào.* [Nguyễn Tuân, *Mê Huế*]

Ở (18), quê là tên gọi khác của nông thôn (vd. ở quê ra) có đặc điểm là mộc mạc, giản dị, chân chất - được chuyển loại để chỉ một khía cạnh nào đó trong các tính chất của nó (quê mùa, kém về thanh tao, lịch sự). Còn ở (19), Hà Nội là “tên thủ đô của Việt Nam” được dùng như tính từ chỉ tính chất của người Hà Nội.

(20) a. *Trạng chết chúa₁ cũng bằng hà*

Dưa gan đồ đất thì cà đồ trôn. [Ca dao]

b. *Về khoản ăn nhậu thì hẳn ta chúa₂ lắm!* [TĐSH]

Ở (20), chúa₁ là danh từ chỉ người đứng đầu, người làm chủ một vùng đất đai, một cộng đồng dân cư nào đó. Còn chúa₂ là tính từ chỉ tính chất rất giỏi, xếp hàng đầu về việc gì đó.

Những danh từ biểu thị tên gọi các hoạt động, sự vật mang tính chất, màu sắc, đặc điểm điển hình đều có khả năng được chuyển sang tính từ biểu thị phẩm chất, tính chất, màu sắc. Những tính từ này thường chứa đựng những sắc thái biểu cảm, đánh giá rất rõ rệt trong ý nghĩa của chúng (so sánh: “*Hắn xảo quyết và ranh mãnh lắm*” → *Hắn cáo_{tr} lắm*.) Bằng con đường chuyển loại, tiếng Việt có thêm những phương tiện khác nhau để thể hiện một đặc điểm, một thuộc tính trừu tượng thông qua những cái cụ thể hơn, dễ cảm thụ hơn và giàu hình ảnh hơn [Hoàng Văn Hành, 1998, tr.183-184].

2.2.2. Tính từ chuyển sang danh từ

So với danh từ và động từ, tính từ ít có khả năng chuyển loại hơn. Phần lớn tính từ chuyển loại sang danh từ là những tính từ biểu thị phẩm chất, đặc điểm của người, vật, hiện tượng được dùng để biểu thị danh từ chỉ người, vật, hiện tượng có phẩm chất hoặc đặc điểm đó. Quan sát các ví dụ sau:

(21) a. *Nhưng sao hôm nay anh đã đi xa em rồi*

Như con sông kia đến lúc cạn khô₁. [Tuấn Nghĩa, *Hãy trả lời em*]

b. *Khô cá sặc trộn gói dưa chuột.* [Bảo vietbao.vn]

Ở ví dụ (21), khô₁ là tính từ ở tình trạng không có/hết nước. Còn khô₂ là danh từ chỉ các loại thực phẩm như thịt, cá phơi hoặc sấy khô để cất giữ lâu.

(22) a. *Chủ thợ may nhỏ thó can đảm₁* [Truyện cổ Grimm]

b. *...thế thì tôi còn can đảm₂ nào mà dám bước vô chương mật.dense xin lỗi với chồng, và nựng nịu con.* [Hồ Biểu Chánh, *Bố chồng*]

Ở ví dụ (22), can đảm₁ là tính từ (có dũng khí để không sợ nguy hiểm, đau khổ) chuyển loại sang danh từ can đảm₂.

2.3. Chuyển loại giữa động từ và tính từ

2.3.1. Động từ chuyển sang tính từ

Số lượng động từ chuyển sang tính từ ít hơn nhiều so với số lượng động từ chuyển sang danh từ [Hoàng Văn Hành, 1998, tr.183]. Có các nhóm động từ chuyển loại sang tính từ như sau:

(i) *Động từ biểu thị hoạt động*: chuyển sang tính từ biểu thị tính chất, thuộc tính của sự vật, hiện tượng có liên quan đến hoạt động các cách thức tiến hành hoạt động như ví dụ sau:

(23) a. *Chân đau nhưng vẫn gượng₁ đi.*

b. *Sầu đông trong héo, ngoài tươi.*

Vui là vui gượng₂, cười là cười khuấy. [Ca dao]

Ở (23), *gượng*₁ là động từ, biểu thị hành động gắng chịu đựng để đi khi thật ra không còn đủ sức; *gượng*₂ là tính từ chỉ trạng thái cố làm ra vẻ tự nhiên. Tương tự:

(ii) *Động từ biểu thị hoạt động, trạng thái, cảm xúc*: chuyển sang tính từ biểu thị thuộc tính, phẩm chất của hoạt động, trạng thái và cảm xúc đó. Ví dụ:

(24) a. *Bác giai ở nhà, cờ bạc, rượu chè, nợ nần bê tha₁, bán hết đồ đạc, cửa nhà rồi.* [Ma Văn Kháng, *Heo mây gió lộng*]

b. *... kể từ khi sinh con thì anh chàng Sài đã phải mất đi mười một cân bốn lạng, già đi đến hơn chục tuổi, nhom nhem và bê tha₂ như anh đạp xích lô trực đêm trước cổng ga.* [Lê Lưu, *Thời xa vắng*]

Ở (24), *bê tha*₁ là động từ ham mê chơi bời bậy bạ đến mức mất cả nhân cách. Còn *bê tha*₂ là tính từ chỉ tình trạng bệ rạc, tồi tàn.

2.3.2. Tính từ chuyển sang động từ

So với danh từ và động từ, tính từ ít có khả năng chuyển loại hơn. Đáng chú ý là nhóm tính từ biểu thị phẩm chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng, hoặc trạng thái được dùng biểu thị động từ gây ra hành động hoặc làm nảy sinh, bảo tồn sự vật, hiện tượng, trạng thái có phẩm chất, đặc điểm ấy. Ví dụ, *giản lược*_{tt} (ngắn và đơn giản, ít các chi tiết) và *giản lược*_{dt} (làm cho ngắn hơn, đơn giản hơn). Thuộc kiểu chuyển loại này là những từ như: *chu toàn, bậy bạ, điều hòa, hờ, hờ hang, đượm, đồng nhất, hoàn thiện, hoàn chỉnh, đơn giản, kiên định, giả, huyền hoặc, hoe, găng, độc lập, chắc chắn, đông, dôi, điển hình*, v.v.. [Hoàng Văn Hành, 1998, tr.180-181].

(25) a. *Trong bếp, củi cháy rất đượm₁.*

b. *Lòng ta tha thiết đượm₂ tình yêu*

Như cánh trời xuân luyến nãng chiều [Thế Lữ, *Giây phút chạnh lòng*] -

Ở (25), *đượm*₁ là tính từ chỉ tính dễ bắt lửa, cháy tốt, đều và lâu. Còn *đượm*₂ là động từ chỉ hành động thấm sâu, đậm vào bên trong.

(26) a. *Hình như trong nghĩa tình yêu, có cái gì đó vừa khác biệt lại vừa đồng nhất₁ với nghĩa đời thường.* [Nguyễn Kiên, *Đáy nước*]

b. *Không nên đồng nhất₂ “thời hạn cho vay” và “kỳ hạn trả nợ”* [Báo vietbao.vn]

Ở (26), *đồng nhất*₁ là tính từ chỉ tính chất giống nhau, như nhau hoàn toàn, đến mức có thể coi như là một; *đồng nhất*₂ là động từ làm cho giống nhau, coi như nhau.

2.4. Chuyển loại giữa danh từ và hư từ

Danh từ chuyển loại thành hư từ tương đối hiếm. Sau đây là một vài ví dụ.

2.4.1. Danh từ chuyển sang kết từ (kt)

(27) a. *Của bên tại người* [Tục ngữ]

b. *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia...* [Thân Nhân Trung]

Ở *của*₁ là danh từ chỉ tài sản, còn *của*₂ là kết từ chỉ quan hệ sở hữu.

Một số danh từ như *ngoài, trên, trong, dưới*... Có thể chuyển loại sang kết từ:

(28) a. *Việc xảy ra ngoài_{dt} dự tính* [TĐSH]

b. *Ngoài_{kt} trời mây đen vẫn vũ.* [TĐSH]

Ở (28), *ngoài*₁ là danh từ chỉ phạm vi không nằm trong phạm vi được xác định. Còn *ngoài*₂ là kết từ biểu thị vị trí của sự kiện, hiện tượng được coi là ở phía ngoài so với vị trí lấy làm mốc.

Có thể dựa vào các dấu hiệu hình thức sau để nhận diện những trường hợp danh từ chuyển loại sang kết từ. [Nguyễn Thị Ly Kha, 2008, tr.108].

- Khi danh từ đó dùng sau từ chỉ phương hướng và trước thành tố phụ chỉ đích. Ví dụ: *Trèo lên trên_{đt}*; *Trèo lên trên_{kt} núi*; *Trên_{kt} trời có đám mây xanh*, ...

- Khi được dùng để đưa một danh từ làm thành tố phụ. Ví dụ: *Ngoài_{kt} vườn, hoa đang nở rộ*; *Dưới_{kt} cầu, nước chảy trong veo*. [Nguyễn Du, *Truyện Kiều*].

2.4.2. Danh từ chuyển sang cảm từ (ct) hay phụ từ (ph)

Hiện tượng danh từ chuyển loại sang cảm từ, ví dụ: các từ như *trời, chúa, khi, chó*, có thể được dùng chuyển loại theo hướng này (trong các câu cảm thán). Ví dụ:

(29) a. *Trời_l kêu ai nấy dạ* [Thành ngữ]

b. *Trời₂, sao lại đến nông nỗi này?* [TĐSH]

Ở (29), *trời_l* là danh từ chỉ lực lượng siêu tự nhiên, sáng tạo và quyết định số phận muôn loài trên mặt đất, theo tôn giáo, tín ngưỡng dân gian: đã có sự chuyển loại từ *trời_l* danh từ sang *trời₂* cảm từ chỉ tiếng thốt ra, kêu gọi trời - để biểu lộ sự ngạc nhiên hay than thở.

(30) *Tôi chúa_{ph} ghét hót*. [TĐTV]

Ở (30), từ *chúa* danh từ (chỉ người có quyền lực cao nhất trong một miền, hay trong một nước thời phong kiến) chuyển loại sang *chúa* phó từ (chỉ ở mức độ rất cao của một tính cách hoặc trạng thái tinh thần).

2.5. Chuyển loại giữa động từ và hư từ

2.5.1. Động từ chuyển sang kết từ (kt)

Động từ chuyển loại sang kết từ khá phổ biến. Ví dụ:

(31) a. *Nó chẳng nói chẳng rằng_l*.

b. *Mong rằng₂ thế giới luôn mãi hoà bình*.

Trong (31), *rằng_l* trước đây là động từ có nghĩa là *nói*; còn *rằng₂* là kết từ. Như vậy, *rằng* đã chuyển loại sang kết từ nối câu trúc tường thuật (làm bổ ngữ) với động từ (làm vị ngữ).

Tương tự:

(32) a. *Chim về_{dt} tổ*. [TĐSH]

b. *Về_{kt} chuyện này, tôi không có ý kiến gì* [TĐSH]

(33) a. *Ba năm ở_{dt} với người dân*

Chẳng bằng một lúc đứng gần người khôn. [Ca dao]

b. *Ở_{kt} đời muôn sự của chung*

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi. [Ca dao]

(34) a. *Có chí thì nên_{dt}*. [Tục ngữ]

b. *Vì tình nên_{kt} phải đi đêm*. [Ca dao]

2.5.2. Động từ chuyển sang phụ từ hay trợ từ (tr)

(35) a. *Em đi_l qua chuyển đồ thấy con trăng đang nằm ngủ* [Trịnh Công Sơn, *Biết đâu nguồn cội*]

b. *Mất chợt tìm nhau rồi lại quay đi₂* [Phan Thị Thanh Nhàn, *Hương thầm*]

Ở (35), *đi_l* là động từ chuyển động có hướng, *đi₂* là phụ từ chỉ hướng. Tương tự:

(36) a. *Đường đi suốt mùa, nắng lên_{dt} thấp đầy* [Trịnh Công Sơn, *Hạ trắng*]

b. *Em đứng lên_{ph} gọi mưa vào hạ* [Trịnh Công Sơn, *Gọi tên bốn mùa*]

(37) a. *Nẻo xa mới tỏ mặt người*

Khách đà xuống_{dt} ngựa, tới nơi tự tình [Nguyễn Du, *Truyện Kiều*]

b. *Hết đi ra cửa ngóng nhìn*

Vào nhà ngồi xuống_{ph} đứng lên thần thờ. [Vũ Thị Khương, *Đợi chờ*]

Trong khẩu ngữ có một số trợ từ như *vâng, dạ, ơ, ừ, v.v.* làm thời chuyển loại sang động từ:

(38) a. *Lý trưởng dà một tiếng dài*. [Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*]

b. *Ông quay lại, ờ một tiếng rất thiếu tự nhiên*. [Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*]

Ngoài ra, có một vài cảm từ chuyển sang động từ. Chẳng hạn:

(39) *Con đã bảo mẹ rằng đừng*

Mẹ hăm, mẹ hù, mẹ bưng ngay vào... [Ca dao]

Hấm, hứ trong câu ca dao trên đóng vai trò một động từ, có thể thêm các yếu tố phụ của động từ cho chúng (*cứ hấm, cứ hứ*). "Rất có thể động từ *hấm hực* cũng là do các cảm thán từ trên thực hóa mà thành" [Nguyễn Anh Quế, 1998, tr.250]. Điều này đã đặt ra vấn đề là liệu có trường hợp hư từ đã thực hóa thành thực từ hay không. Đến nay vấn đề này vẫn còn bỏ ngỏ.

2.6. Chuyển loại giữa tính từ và hư từ

Tính từ có thể chuyển loại sang phụ từ, như sau:

- (40) a. *Mẹ ta trả nhớ về không_u*
Trà trăm năm lại bụi hồng, rồi đi. [Đỗ Trung Quân, *Trà nhớ về không*]
 b. *Không_{pht} ai giàu ba họ, không_{pht} ai khó ba đời* [Tục ngữ]

2.7. Chuyển loại giữa hai hư từ

2.7.1. Chuyển loại giữa phụ từ (pht) và trợ từ (tr)

Do bổ sung cho danh từ, động từ, tính từ ý nghĩa về lượng, thời gian, mức độ, sự tiếp diễn,... nên hiện tượng chuyển loại giữa phụ từ và trợ từ cũng là một hiện tượng khá phổ biến của từ loại tiếng Việt. Ví dụ:

- (41) a. *Tôi đâu_{pht} có ngờ.*
 b. *Thật vàng chẳng phải thau đâu_{tr}*
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng. [Ca dao]

Ở (41), phụ từ *đâu_{pht}* biểu thị ý phủ định đã chuyển loại sang trợ từ *đâu_{tr}* biểu thị ý nhấn mạnh về điều vừa phủ định.

- (42) a. *Đường ta ta cứ_{pht} đi, nhà ta ta cứ_{pht} xây, ruộng ta ta cứ_{pht} cày.* [Phạm Duy, *Tuổi xanh*]
 b. *Nó nói cứ_{tr} như thật!* [TĐSH]

Ở (42a), phụ từ *cứ_{pht}* biểu thị ý khẳng định dứt khoát về hoạt động, trạng thái nhất định là như thế, bất chấp mọi điều kiện. Còn ở (42b), *cứ_{tr}* trợ từ biểu thị ý nhấn mạnh thêm về sắc thái khẳng định, bất chấp điều kiện khách quan như thế nào.

- (43) a. *Nghĩ mãi mới làm được_{pht} bài toán* [TĐSH]
 b. *Chị thật may mắn khi gặp được_{tr} người chồng tốt như anh ấy.*

Ở (43a), phụ từ *được_{pht}* biểu thị kết quả đạt được. Còn ở (43b), trợ từ *được_{tr}* thể hiện tình thái nhấn mạnh kết quả may mắn, thuận lợi

- (44) a. *Ông là một người cả_{pht} tin.*
 b₁. *Sắp thi nên nó học cả_{tr} ngày chủ nhật.*
 b₂. *Chuyện đó ai cũng biết cả_{tr}.*

Ở (44a), phụ từ *cả_{pht}* biểu thị mức ở mức độ cao nhất (*người cả_{pht} tin, tính cả_{pht} ghen*). Cũng với nghĩa biểu thị về mức độ cao nhưng ở (44b), *cả_{tr}* đóng vai trò là trợ từ.

2.7.2. Chuyển loại giữa trợ từ (tr) và kết từ (kt)

Trợ từ và kết từ có thể chuyển loại lẫn nhau. Chẳng hạn giữa trợ từ *mà* với kết từ *mà* có chung một liên hệ ngữ nghĩa: nét nghĩa đối lập, trái ngược của chúng. Quan sát các ví dụ sau:

- (45) a₁. *To đầu mà_{kt} đại* [Tục ngữ]
 a₂. *Dã tràng xe cát biển Đông*
Nhọc nhằn mà_{kt} chẳng nên công cán gì. [Ca dao]
 b₁. *Đã bảo mà_{tr}!*
 b₂. *Chỉ một lúc là xong thôi mà_{tr}!*

Tương tự:

- (46) a. *Nó luôn nghĩ đến_{kt} anh.*
 b. *Khó lắm, đến_{tr} ông ấy cũng bó tay.*
 (47) a. *Nếu mưa thì_{kt} ở nhà.*
 b. *Thì_{tr} ai mà chẳng biết!*
 (48) a. *Tôi vạ_{kt} nó sẽ đi.*
 b. *Vạ_{tr} rồi anh đồng ý chứ?*

Ở các ví dụ (46b), (47b), (48b), các kết từ *đến, thì*, và không còn được dùng với đặc điểm ngữ nghĩa ngữ pháp của kết từ như ở các ví dụ (46a), (47a), (48a) mà được dùng với đặc điểm ngữ nghĩa ngữ pháp của từ loại trợ từ. Từ nét nghĩa chỉ quan hệ ngữ pháp, chúng chuyển sang nét nghĩa biểu thị ý nhấn mạnh và kéo theo sự chuyển đổi của khả năng kết hợp và chức năng cú pháp. [Nguyễn Kim Thân, 1997, tr.325-326]

3. Từ chuyển loại tuyệt đối trong tiếng Anh

3.1. Chuyển loại giữa danh từ và động từ

Danh từ chuyển sang động từ là hiện tượng chuyển loại phổ biến nhất trong tiếng Anh. Ví dụ:

(49) a. We speak by *phone_n* about twice a week. [CAD]

b. *Phone him and ask if he's free this afternoon.*

(50) a. Don't *delay_v*, - call us today! [LOD]

b. There's no time for *delay_n*. [LOD]

(51) a. My feet *hurt_v*. (Bàn chân tôi đau) [LOD]

b. There was *hurt_n* in her voice.

(52) *I wash my hair with shampoo_n → I shampoo_v my hair.*

Cũng có sự chuyển loại xảy ra ở các danh từ ghép (compound noun) sang động từ như: *blacklist_n* (danh sách đen) → *blacklist_v* (đưa (ai) vào danh sách đen), *pinpoint_n* (điểm xác định) → *pinpoint* (xác định),... Ví dụ:

(53) *It is not possible to pinpoint_v, precisely the time of death.* [CAD]

3.2. Chuyển loại giữa danh từ và tính từ

3.2.1. Danh từ chuyển sang tính từ

Kiểu chuyển loại này ít gặp trong tiếng Anh. Chỉ có một số danh từ chuyển loại sang tính từ ở các từ như *orange_n* (trái cam/màu cam) → *orange_{adj}* (có màu cam), *rose_n* (hoa hồng/màu hồng) → *rose_{adj}* (có màu hồng),... [L. Bauer và R. Huddleston, 2002, tr.1643]. Xem các ví dụ sau:

(54) a. *Orange_n is her favourite colour.* [CAD]

b. *The setting sun made the sky orange_{adj}* [CAD]

Ngoài ra còn có trường hợp chuyển loại lâm thời như:

(55) *His accent is very Harvard.* [Quirk, Randolph, 1991, tr.1562]

3.2.2. Tính từ chuyển sang danh từ

Có một số tính từ có khả năng chuyển loại sang danh từ như ở các ví dụ sau:

(56) a. *The way we waste this planet's resources is criminal_{adj}.* [CAD]

b. *Today's problem child may be tomorrow's criminal_n.* [CAD]

(57) a. *A person's medical_{adj} records are confidential.* [CAD]

b. *The insurance company wanted me to have a medical_n*

(58) a. *We particularly concentrate on oral_{adj} fluency.* [CAD]

b. *When do you have your Spanish oral_n?* [CAD]

3.3. Chuyển loại giữa động từ và tính từ

Từ được chuyển loại có thể được diễn giải bằng cách tham chiếu đến từ gốc; chẳng hạn *to clean_v* = *to make something clean_{adj}*; *to empty_v* = *to make something empty_{adj}*,... Chẳng hạn:

(59) a. *Make sure your hands are clean_{adj} before you have your dinner.*

b. *I'm going to clean_v, the windows this morning.* [CAD]

3.4. Chuyển loại giữa danh từ và hư từ

Trường hợp chuyển loại này khá hiếm. Sau đây ví dụ cho chuyển loại giữa danh từ và thán từ (interjection):

(60) *God_{inter}, do we have to listen to this nonsense?* [TĐSH]

(61) *God_{inter}, how I hated him!* [COD]

3.5. Chuyển loại giữa động từ và hư từ

Giới từ (P) *down, over, off, out, up, front, ...* có thể chuyển thành động từ mang ý nghĩa *act as P* (hành động/ bày tỏ như P). Ví dụ:

(62) a. *Put those books up_{adv} on the top shelf.* [CAD]

b. *The spider crept up_{prep} the wall.* [COD]

3.6. Chuyển loại giữa tính từ và hư từ

- Chuyển loại giữa tính từ và phó từ. Ví dụ:

(63) a. *I hate having to get up early_{adv}.* [CAD]

b. *I decided that I was going to take early_{adj} retirement.* [COD]

-Chuyển loại giữa tính từ và giới từ là hiện tượng khá phổ biến trong tiếng Anh với các từ như *inside, outside, after, like, ...* Ví dụ:

(64) a. *Butter the inside_{adj} surface of the tin.* [CAD]

b. *Inside_{prep} the passport was a folded slip of paper.* [COD]

(65) a. *In after_{adj} years we never heard from him.* (COD)

b. *Let's go for a walk after_{prep} breakfast.* [CAD]

Ở (65a), *after* là tính từ có nghĩa là *sau/sau này*; còn ở (65b), *after* là giới từ có nghĩa là *sau/sau khi*.

3.7. Chuyển loại giữa hai hư từ

- Chuyển loại giữa phó từ và liên từ. Ví dụ:

(66) a. *Don't be so_{adv} stupid!* [CAD]

b. *My knee started hurting so_{conj} I stopped running so_{conj}.* [CAD]

Ở (66a), *so*_{adv} là phó từ có nghĩa là *cũng thế, như vậy*. Còn ở (66b), *so*_{conj} là liên từ giữ nguyên nghĩa ban đầu khi là phó từ.

- Chuyển loại giữa phó từ và giới từ biểu hiện ở các từ như *under, without, inside...* Ví dụ:

(67) a. *If there's no milk, we'll have to manage without_{adv}.* [Ielts Tutor - ieltstutor.me]

b. *Alex had done this without_{prep} consulting her.* [COD]

Ở (67a), *without*_{adv} là phó từ có nghĩa là *không, không có, thiếu*. Còn ở (67b) *without*_{prep} là giới từ.

-Chuyển loại giữa giới từ và liên từ. Xét các ví dụ:

(68) a. *I was shaking all over, trembling like_{prep} a leaf.* [COD]

b. *On the train up to Waterloo, I felt like_{conj} I was going on an adventure.* [COD]

Từ *like* trước đây chỉ được sử dụng như là giới từ trong lối so sánh như ở (68a). Bây giờ *like* cũng được sử dụng như là kết từ phụ thuộc (subordinating conjunction) như ở (68b). Tương tự với từ *after* trong ví dụ sau:

(69) a. *A few kilometres after_{prep} the village, turn right to Montelabate.* [COD]

b. *Three months after_{conj} they moved out, the house was still empty.* [CAD]

- Chuyển loại giữa phó từ (adv) và thán từ (inter): Một số phó từ như *rather, here, there, right* vẫn giữ nguyên nghĩa khi chuyển loại sang thán từ như các ví dụ sau:

(70) a. *He is a painter or, rather_{adv}, a watercolorist.* [TĐSH]

b. *'Is the book worth reading' - 'Rather_{inter}!'* [COD]

4. Đối chiếu từ chuyển loại tuyệt đối trong tiếng Việt và tiếng Anh

Với việc khảo sát, phân loại và so sánh đối chiếu hơn 900 câu/phát ngôn Việt Anh thu thập được, có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

4.1. Những tương đồng

- Hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt và tiếng Anh có thể xảy ra ở tất cả mọi từ loại.

- Có ba dạng chuyển loại chính trong là chuyển loại giữa danh từ và động từ, danh từ và tính từ, động từ và tính từ. Trong đó, số lượng danh từ chuyển loại sang động từ và tính từ là cao nhất.

- Danh từ chuyển loại sang tính từ thường theo phép ẩn dụ và tính từ tạo thành chứa đựng sắc thái biểu cảm, đánh giá rõ rệt. Nhiều trường hợp chuyển loại theo kiểu này có tính lâm thời, diễn ra trong điều kiện, hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và thường có giá trị phong cách.

- So với danh từ và động từ, tính từ ít có khả năng chuyển loại hơn. Đó là do đặc điểm hạn chế của tính từ: về ngữ nghĩa, tính từ thường dùng để biểu thị tính chất, thuộc tính, phẩm chất của sự vật hoặc

hành động; về ngữ pháp, tính từ thường giữ vai trò định ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.

- Việc dùng danh từ ở vị trí của tính từ khá phổ biến trong tiếng Việt và tiếng Anh: nếu không có tính từ tương ứng thì có thể dùng danh từ như tính từ bằng cách đặt danh từ đó trước một danh từ khác vd. *trạm xe buýt* (*bus stop*). Đây là vấn đề thuộc lĩnh vực cú pháp chứ không phải lĩnh vực cấu tạo từ, nghĩa là không phải thuộc hiện tượng chuyển loại.

- Tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiện tượng một hư từ có thể được dùng với ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của các hư từ khác, hay nói các khác có sự chuyển loại giữa chúng.

- Hầu hết các trường hợp chuyển loại giữa thực từ và hư từ trong tiếng Việt và tiếng Anh đều có hướng chuyển từ thực từ sang hư từ. Hiếm khi gặp trường hợp ngược lại.

4.2. Những khác biệt

- Tiếng Việt có số lượng động từ chuyển sang danh từ chiếm tỉ lệ cao nhất, còn tiếng Anh thì ngược lại.

- Danh từ chuyển loại tuyệt đối sang tính từ trong tiếng Việt có số lượng lớn hơn tiếng Anh. (Danh từ chuyển loại tương đối sang tính từ tiếng Anh lại nhiều hơn tiếng Việt có thể ghép thêm phụ tố, chuyển đổi âm (phụ âm cuối hoặc/ và nguyên âm) hoặc chuyển đổi trọng âm.

- Tiếng Anh có một vài dạng chuyển loại khá đặc biệt từ động từ sang danh từ: một số trợ động từ (*auxiliary verb*), động tính từ (*participle*) và cụm động từ (*phrasal verb*) có thể chuyển loại tuyệt đối sang danh từ.

- Trong tiếng Việt, khi có sự chuyển loại giữa động từ và tính từ thì từ thường giữ nguyên, không biến đổi hình thức. Trong tiếng Anh, động từ (mang nghĩa từ vựng) có thể chuyển loại sang tính từ (thông qua dạng hiện tại phân từ (*present participle*) và quá khứ phân từ (*past participle*) của các động từ này). Nghĩa là có biến đổi dạng thức của từ.

- Các hư từ tiếng Việt - đặc biệt là các phó từ, trợ từ tình thái - được chuyển loại từ các loại thực từ và hư từ khác rất khó nhận diện. Những hư từ tiếng Việt này ngoài việc thể hiện ý nghĩa ngữ pháp còn thể hiện ý nghĩa tình thái, các sắc thái ngôn từ rất tinh tế.

5. Kết luận

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính với đặc điểm từ không biến đổi hình thái. Chính đặc điểm này dẫn đến hệ quả là hiện tượng chuyển loại tuyệt đối của từ rất phổ biến - các từ có cùng một hình thức ngữ âm nhưng về mặt cú pháp lại khác biệt nhau, còn về mặt ngữ nghĩa lại có liên hệ với nhau. Tiếng Anh, dù là ngôn ngữ biến hình nhưng nó cũng là ngôn ngữ phân tích tính nên hiện tượng chuyển loại tuyệt đối cũng xuất hiện nhiều. Tuy nhiên, nhìn chung, hiện tượng chuyển loại tiếng Việt tuyệt đối có phần nổi trội hơn tiếng Anh.

Tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ biến hình nên hiện tượng chuyển loại tương đối (theo phương thức phái sinh) phổ biến và đa dạng hơn tiếng Việt: từ được chuyển loại có thể ghép thêm phụ tố, chuyển đổi âm hoặc chuyển đổi trọng âm trong từ.

Hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt và tiếng Anh có những nét tương đồng và dị biệt do đặc trưng loại hình giữa hai ngôn ngữ. Vì vậy, trong dịch thuật cũng như khi dạy tiếng Anh cho người Việt hoặc tiếng Việt cho người bản ngữ tiếng Anh, đối với từ chuyển loại, người dịch/ người dạy cần chú ý đến điều này để đưa ra cách thức dịch thuật/ thủ pháp giảng dạy thích hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Hoàng Văn Hành et al. (1998), *Từ tiếng Việt (hình thái - cấu trúc - từ láy - từ ghép - chuyển loại)*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Thị Ly Kha (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Hồ Lê (1978), *Vấn đề cấu tạo từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
5. Hà Quang Năng (1981), *Một số suy nghĩ về hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ - tập 2*, Nxb Khoa học Xã hội.

6. Nguyễn Anh Quế (1998), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Kim Thản (1997), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Văn Tu (1978), *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, tái bản lần 1, Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội.

Tiếng Anh

8. Balteiro, Isabel (2007), *A Contribution to the Study of Conversion in English*, Münster/New York/München/Berlin: Waxmann
9. Bauer, L., Huddleston, R. (2002), "Lexical word-formation", in Huddleston, R., Pullum, G.K., *The Cambridge Grammar of the English Language*, pp.1621-1721, Cambridge University Press.
10. Plag, I. (2003), *Word-formation in English*, Cambridge University Press, Cambridge, tr.107.
11. Quirk, Randolph et al. (1991), *A Comprehensive Grammar of English Language*, Longman Press.

Ngữ liệu

12. [TĐTV]: *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nxb Đà Nẵng, 2014.
13. [TĐSH]: Từ điển online *Tra từ Soha* (tratu.soha.vn)
14. [TĐCV]: Từ điển online *Tra từ Cỏ Việt* (tratu.coviet.vn)
15. [LOD]: *Longman Dictionary of Contemporary English* (third edition, 1995).
16. [CAD]: Từ điển online Cambridge Dictionary (dictionary.cambridge.org)
17. [COD]: Từ điển online *Collins Dictionary* (collinsdictionary.com)
18. Các nhạc phẩm, tác phẩm thơ văn, báo chí, thành ngữ, ca dao tục ngữ Việt Anh.

Absolute conversion words in Vietnamese and English

Abstract: This article presents the phenomenon of absolute conversion of words in Vietnamese and English, showing the types of conversion as well as the similarities and differences of conversion words between two languages. This helps increase learners' vocabulary, enhance the skills of lexico-semantic and syntactic-semantic analysis in learning and teaching Vietnamese and English as a foreign language.

Key words: absolute conversion; conversion words; lexico-semantic analysis; syntactic-semantic analysis; language teaching.